

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ
Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP
ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Tờ
trình số 441/TTr-BTĐKT ngày 14 tháng 9 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 4479/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /2018/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; trao tặng và đón nhận; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng; lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật thi đua khen thưởng, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và theo nguyên tắc sau:

1. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

2. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu; các gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng; các tập thể và cá nhân từ yếu kém phấn đấu thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; các lĩnh vực khó khăn, độc hại, nguy hiểm; người dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo; cán bộ, công chức, viên chức tình nguyện công tác ở khu vực miền núi khó khăn, biên giới, hải đảo trong tỉnh.

3. Cấp nào tổ chức phát động thi đua thì cấp đó khen thưởng theo quy định. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét khen thưởng; không khen thưởng chuyên đề khi không đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh, không có văn bản chỉ đạo, kế hoạch sơ kết, tổng kết của cơ quan chủ trì, phát động; chuyên đề được phát động không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu và thời gian thực hiện.

4. Trong một năm, mỗi tập thể hoặc cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (kể cả thành tích toàn diện hoặc chuyên đề); trừ khen thưởng đột xuất.

Chương II **TỔ CHỨC THI ĐUA,** **ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

Điều 4. Tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo Điều 16 Luật thi đua khen thưởng, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ.

2. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, có tổ chức sơ kết, tổng kết và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen thì các đơn vị gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để phối hợp theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn khen thưởng.

Điều 5. Đăng ký thi đua

1. Tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

2. Hàng năm, các cụm thi đua và các cơ quan, đơn vị tổ chức đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua trong cụm, trong cơ quan, đơn vị. Nội dung, chỉ tiêu thi đua bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cụm, khối và cơ quan, đơn vị.

3. Các đơn vị gửi bản đăng ký thi đua (đối với các danh hiệu thi đua từ cấp tỉnh trở lên) cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất vào tháng 02, ngành Giáo dục và Đào tạo gửi chậm nhất vào tháng 10 của năm.

4. Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” tặng cho cá nhân được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật thi đua khen thưởng, Khoản 2 Điều 9 Nghị

định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ.

2. Trong thời gian 03 năm tính đến năm đề nghị khen thưởng, cá nhân có “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba, huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các cuộc thi Sáng tạo khoa học, công nghệ quốc gia, quốc tế hoặc có công trình, đề tài khoa học đã bảo vệ thành công, được cấp bằng Tiến sĩ, Chuyên khoa cấp II thì được xét thay thế sáng kiến, đề tài khoa học cấp tỉnh.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật thi đua khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” gồm:

- Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;

- Phòng, ban của các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;

- Phòng, ban và tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ban Chỉ huy Quân sự, Công an xã, phường, thị trấn;

- Trường học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trường liên cấp học, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh; khoa, phòng và tương đương của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, bệnh viện, trung tâm y tế các cấp; trạm xá xã, phường, thị trấn; phòng, trạm, trại, đội thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương;

- Xí nghiệp, phòng, phân xưởng thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” gồm:

- Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh. Đối với các chi cục có số lượng từ 150 người trở lên, có nhiều đơn vị trực thuộc thì được vận dụng như các sở;

- Phòng, ban và tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ban Chỉ huy Quân sự, Công an xã, phường, thị trấn;

- Trường học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trường liên cấp học, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh; khoa, phòng và tương đương của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, bệnh viện, trung tâm y tế các cấp; trạm xá xã, phường, thị trấn;

- Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty liên doanh, các hợp tác xã ... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

Tặng cho các tập thể được bình xét theo từng cụm thi đua do tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành và tương đương tổ chức, có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật thi đua khen thưởng, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ gồm:

a) Đơn vị xếp thứ nhất, nhì, ba Cụm thi đua của tỉnh;

b) Đơn vị xếp thứ nhất Cụm thi đua do huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành và tương đương tổ chức.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 10. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 74, 75, 76 Luật thi đua khen thưởng, Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân dũng cảm cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng, gương người tốt việc tốt; đạt thành tích cao tại các hội thi, hội diễn.

3. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật thi đua khen thưởng, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đối với khen thưởng chuyên đề, đột xuất:

- Tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm) khi hoàn thành một nhiệm vụ đặc biệt, hành động dũng cảm trong phòng

chống tội phạm, cứu người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, nhân dân, trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn ... hay thực hiện những nhiệm vụ quan trọng khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

- Tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn, liên hoan, hội thao quốc gia, khu vực, quốc tế.

- Tặng cho tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ trước nhân đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh: Số lượng khen thưởng không quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

- Tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình tại Đại hội Thi đua yêu nước, hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến của tỉnh.

3. Đối với khen thưởng đối ngoại: Tặng cho tập thể, gia đình, cá nhân là người tình ngoài, người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức Quốc tế ở Việt Nam có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh, địa phương trong tỉnh.

4. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Tập thể, cá nhân đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Huân chương, sau 02 năm nếu đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì mới được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương IV

TRAO TẶNG VÀ ĐÓN NHẬN; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 12. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Việc trao thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

- Đối với hội nghị do UBND tỉnh tổ chức: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Ban tổ chức hội nghị để thực hiện.

- Đối với hội nghị do các đơn vị tổ chức: các đơn vị chủ động thực hiện theo quy định.

- Đối với trường hợp khen thưởng đột xuất: Ban Thi đua - Khen thưởng phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng để thực hiện.

3. Việc công bố quyết định khen thưởng tại lễ trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước do lãnh đạo đơn vị tổ chức buổi lễ hoặc lãnh đạo Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh thực hiện.

Điều 13. Quy định về tuyển trình

Tuyển trình khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và các quy định sau:

1. Tập thể, cá nhân thuộc Ban Chỉ huy Quân sự, Công an cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND cấp trên khen thưởng.

2. Đối với tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh do Chủ tịch UBND cấp tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng; cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh, ngoài nước có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

4. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 14. Thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận hồ sơ của các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng như sau:

1. Đối với danh hiệu “Anh hùng Lao động”: Trước ngày 05 tháng 01 của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

2. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

a) Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại: Từ ngày 25 tháng 01 đến ngày 15 tháng 02 hàng năm;

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng: Từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 15 tháng 4 hàng năm.

3. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo.

a) Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại: Từ ngày 05 đến ngày 20 tháng 7 hằng năm;

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc: Từ ngày 05 đến ngày 20 tháng 8 hàng năm.

Điều 15. Thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, xin ý kiến các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Trường hợp khen thưởng đột xuất, chuyên đề, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực theo phân công, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định thành tích, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét, tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh không bố trí họp theo thời gian quy định được, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bằng văn bản, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Tập thể trên địa bàn và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương các loại, các hạng, phải có ý kiến bằng văn bản của Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 84 Luật thi đua khen thưởng, Điều 49, 51, 52, 53, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (01 bản chính);

b) Biên bản xét khen thưởng (01 bản chính);

c) Báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen (01 bản chính).

3. Báo cáo thành tích phải có đủ căn cứ chứng minh kèm theo.

4. Báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; LƯU TRỮ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó. Trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu, dự án không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm... tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng noi gương để thưởng nhưng không quá 03 lần mức tiền thưởng qui định; trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cơ quan đơn vị, địa phương quyết định mức thưởng trong khả năng quỹ khen thưởng của địa phương, đơn vị mình.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, có thể kèm theo tặng phẩm.

Điều 19. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của tỉnh để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định pháp luật về lưu trữ.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản hồ sơ khen thưởng của cấp mình theo quy định.

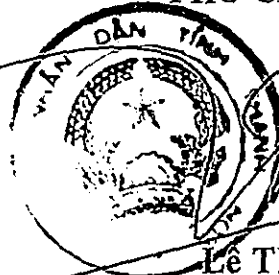
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại các văn bản qui phạm pháp luật và trong quy định này, các cấp, các ngành, các đơn vị có thể có các hình thức động viên khác phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, học tập, công tác, chiến đấu và động viên phong trào thi đua nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy định này. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra các cấp, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn